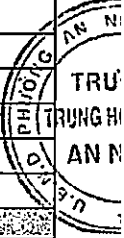


THÔNG BÁO THU THÁNG 01 NĂM 2026

| STT                      | LỚP  | GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM    | SỈ SỐ      | BẢN TRÚ | Học Kỹ năng sống | Học ngoại ngữ với người nước ngoài | Giáo dục Stem | Học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học | Học Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học chuẩn Quốc tế | Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh | DV tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | Tổng cộng | Ghi chú |
|--------------------------|------|------------------------|------------|---------|------------------|------------------------------------|---------------|--|--|--|---|-----------|---------|
| 1                        | 6/1  | Phạm Nhật Trường       | 52         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 2                        | 6/2  | Phạm Thị Mỹ Duyên      | 52         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 3                        | 6/3  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 54         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 4                        | 6/4  | Nguyễn Thị Phúc        | 48         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 5                        | 6/5  | Nguyễn Thị Thu Thanh   | 49         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  | 30.000   | 35.000  | 1.559.000 |         |
| 6                        | 6/6  | Hoàng Thị Hương        | 48         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 7                        | 6/7  | Nguyễn Thị Bảo Ngọc    | 50         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 8                        | 6/8  | Ngô Bích Thủy          | 42         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 9                        | 6/9  | Nguyễn Thị Lý          | 48         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 10                       | 6/10 | Nguyễn Ngọc Ánh        | 45         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 11                       | 6/11 | Trần Thị Diệu Thủy     | 46         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 12                       | 6/12 | Nguyễn Thị Tiếng       | 46         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 13                       | 6/13 | Phạm Thị Phương        | 46         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| <b>CỘNG SỈ SỐ KHỐI 6</b> |      |                        | <b>626</b> |         |                  |                                    |               |  |  |  |   |           |         |
| 1                        | 7/1  | Ngô Thị Thanh          | 50         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 2                        | 7/2  | Nguyễn Thị Trang       | 50         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 3                        | 7/3  | Nguyễn Thị Oanh Hà     | 50         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 4                        | 7/4  | Nguyễn Minh Thư        | 54         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  | 30.000   | 35.000  | 1.559.000 |         |
| 5                        | 7/5  | Phan Thị Ngọc Bích     | 53         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  | 30.000   | 35.000  | 1.559.000 |         |
| 6                        | 7/6  | Đỗ Thị Phương          | 47         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 7                        | 7/7  | Mai Huỳnh Càng         | 54         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 8                        | 7/8  | Lý Thị Ngọc Anh        | 53         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 9                        | 7/9  | Trần Thị Tuyết Nhung   | 54         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 10                       | 7/10 | Trương Hữu Phúc        | 53         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 11                       | 7/11 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 51         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 12                       | 7/12 | Nguyễn Thị Ngọc Mai    | 54         | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| <b>CỘNG SỈ SỐ KHỐI 7</b> |      |                        | <b>623</b> |         |                  |                                    |               |  |  |  |   |           |         |
| 1                        | 8/1  | Huỳnh Ngọc Lan Anh     | 46         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 2                        | 8/2  | Hồ Mai Thanh           | 46         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 3                        | 8/3  | Phạm Thanh Hoài        | 44         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 4                        | 8/4  | Vũ Thị Huyền Trang     | 44         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | 800.000                                      | 180.000  |  | 35.000  | 2.329.000 |         |
| 5                        | 8/5  | Nguyễn Trung Thuận     | 52         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  | 30.000   | 35.000  | 1.559.000 |         |
| 6                        | 8/6  | Phạm Thị Ngọc Hoài     | 52         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 7                        | 8/7  | Bùi Thị Dung           | 54         | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |



| STT                       | LỚP  | GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM     | SĨ SỐ        | BẢN TRÚ | Học Kỹ năng sống | Học ngoại ngữ với người nước ngoài | Giáo dục Stem | Học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học | Học Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học chuẩn Quốc tế | Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh | DV tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | Tổng cộng | Ghi chú |
|---------------------------|------|-------------------------|--------------|---------|------------------|------------------------------------|---------------|--|--|--|---|-----------|---------|
| 8                         | 8/8  | Nguyễn Hữu Nghĩa        | 52           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 9                         | 8/9  | Nguyễn Tuấn Anh         | 54           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 10                        | 8/10 | Trịnh Thị Thu Lan       | 52           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | 180.000  |  | 35.000  | 1.529.000 |         |
| 11                        | 8/11 | Nguyễn Minh Thuận       | 42           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 12                        | 8/12 | Nghiêm Thị Quế          | 41           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 13                        | 8/13 | Lương Hoàng Oanh        | 42           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 14                        | 8/14 | Trần Thị Thoa           | 39           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| <b>CỘNG SĨ SỐ KHỐI 8:</b> |      |                         | <b>660</b>   |         |                  |                                    |               |  |  |  |   |           |         |
| 1                         | 9/1  | Nguyễn Thị Hồng Gấm     | 54           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 2                         | 9/2  | Nguyễn Thị Thanh Hương  | 50           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 3                         | 9/3  | Nguyễn Thị Kim Đăng     | 49           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 4                         | 9/4  | Huỳnh Thị Hồng Loan     | 49           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 5                         | 9/5  | Nguyễn Thị Ngọc Thơ     | 49           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 6                         | 9/6  | Lương Nguyễn Quỳnh Như  | 52           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 7                         | 9/7  | Nguyễn Ngọc Phương Thủy | 52           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 8                         | 9/8  | Nguyễn Thế Cường        | 52           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 9                         | 9/9  | Nguyễn Ngọc Anh Thư     | 51           | 964.000 | 80.000           | 180.000                            | 90.000        | -  | -  | 30.000   | 35.000  | 1.379.000 |         |
| 10                        | 9/10 | Lê Ngọc Cẩm Vân         | 51           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 11                        | 9/11 | Lê Thị Kim Cúc          | 48           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  | 15.000   | 35.000  | 50.000    |         |
| 12                        | 9/12 | Huỳnh Thị Ngọc Ngoan    | 52           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| 13                        | 9/13 | Trần Thị Hồng Nga       | 52           | -       | -                | -                                  | -             | -  | -  |  | 35.000  | 35.000    |         |
| <b>CỘNG SĨ SỐ KHỐI 9:</b> |      |                         | <b>661</b>   |         |                  |                                    |               |  |  |  |   |           |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          |      |                         | <b>2.570</b> |         |                  |                                    |               |  |  |  |   |           |         |

**Các khoản thu bán trú tháng này:**

|   |              |
|---|--------------|
| Số ngày ăn trong tháng                                | 20           |
| 1 tiền suất ăn (35.000 đ/ngày)                        | 700.000 đồng |
| 2 Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú | 250.000 đồng |
| 3 Nước uống   | 14.000 đồng  |

**Cộng 964.000 đồng**

**KẾ TOÁN**

*(Chữ ký)*

Nguyễn Thị Thu Hà

